TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hoá, ngày 24 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Bà Hà Thị N, sinh năm: 1985

Số CCCD: 038185xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh T

Bị đơn: Ông Vi Thanh L; sinh năm: 1979

Số CCCD: 038079xxxxxx

Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh T

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 3, 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 3 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Hà Thị N và ông Vi Thanh L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về hôn nhân***: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Hà Thị N và ông Vi Thanh L.

- ***Về con chung***: Công nhận bà Hà Thị N và ông Vi Thanh L có 02 con chung là Vi Thảo N1, sinh ngày: 20/05/2011 và Vi Hương C, sinh ngày 18/12/2013. Hiện nay các con phát triển bình thường về thể lực và trí lực.

Bà Hà Thị N và ông Vi Thanh L thống nhất, thỏa thuận: giao cả hai con chung là Vi Thảo N và Vi Hương C cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà N.

Ông Vi Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

- ***Về tài sản chung, công nợ chung***: Bà Hà Thị N và ông Vi Thanh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Bà Hà Thị N và ông Vi Thanh L thống nhất, thỏa thuận: bà Hà Thị N chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số 0000108 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, bà N được nhận lại 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Vi Thanh L không phải nộp tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Thanh Hoá;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hương Giang